

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/DS-PT

Ngày 07 - 6 - 2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Thanh Hùng**

*Các Thẩm phán:* Bà **Châu Minh Nguyệt**

**Ông Trương Thanh Dũng.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Hồng Thị Xuân** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà **Huỳnh Thị Hồng Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2021/TLPT-DS ngày 22 tháng 03 năm 2022, về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Đinh Thị G**, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (*vắng mặt*)

*Người đại diện theo ủy quyền của bà G:* Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. (*có mặt*)

**- Đồng bị đơn:**

1. Ông **Đào Văn D**, sinh năm 1970 (*có đơn xin vắng mặt*)

2. Bà **Diệp Hồng V**, sinh năm 1974 (*có mặt*)

3. Ông **Diệp Hồng S**, sinh năm 1977 (*có mặt*)

Cùng địa chỉ: ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Trần Thanh H**, sinh năm 1954; địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. (*có đơn xin vắng mặt*)

2. Ông **Danh V** (đã chết)

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông V:*

2.1. Chị **Danh Kim Th**, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt)

2.2. Anh **Danh Trung H**, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

2.3. Bà **Trần Tú A**, sinh năm 1962; địa chỉ: ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. (có đơn xin vắng mặt)

3. Chị **Diệp Hồng L**, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt)

4. Chị **Diệp Hồng L**, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt)

5. Anh **Diệp Hồng B**, sinh năm 1994 (vắng mặt)

6. Bà **Hồng Thị H**, sinh năm 1951 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

7. Cụ **Trần Văn Tích** (đã chết)

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Tích:*

7.1. Anh **Trần Thanh B**, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt)

7.2. Anh **Trần Hoàng Th**, sinh năm 1964 (có đơn xin vắng mặt)

7.3. Anh **Trần Minh Q**, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt)

7.4. Anh **Trần Văn U**, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt)

7.5. Cụ **Phan Thị B**, sinh năm 1936 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

7.6. Bà **Trần Hồng T**, sinh năm 1960 (có đơn xin vắng mặt)

7.7. Bà **Trần Hồng H**, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 3, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

7.8. Ông **Trần Văn H** (đã chết)

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồng:*

7.8.1. Chị **Trần Như L**, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt)

7.8.2. Chị **Trần Thanh L**, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt)

7.8.3. Anh **Trần Chí Ph**, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

7.8.4. Anh **Trần Chí C**, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt)

7.8.5. Anh **Trần Quốc T**, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn **Đinh Thị G**.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị G trình bày:*

Nguồn gốc phần đất tranh chấp ban đầu là của cụ Trần Văn T, trong quá trình sử dụng đất, cụ T chuyển nhượng đất cho ông Danh V, ông V chuyển nhượng cho ông Trần Thanh H. Việc chuyển nhượng chỉ làm giấy tay, chưa làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tháng 5/2008, ông H chuyển nhượng cho bà phần đất có kích thước như sau: Chiều ngang mặt trước 4.5m; chiều ngang mặt sau 27m; chiều dài 17m và 33m với giá 105.000.000 đồng, số tiền này bà đã trả đủ cho ông H. Việc sang nhượng có làm giấy tay, có xác nhận của trưởng ấp D vào ngày 11/5/2008. Ông H có đo đạc giao đất cho bà.

Tại thời điểm nhận chuyển nhượng trên phần đất có căn nhà của bà Diệp Hồng V và chồng là ông Đào Văn D ở trước đó, bà có nói với ông H phải yêu cầu bà V, ông D di dời căn nhà để giao đất cho bà, nếu không bà không trả đủ tiền (giữ lại 5.000.000 đồng). Ông H có nói là cứ trả đủ tiền, ông kêu bà V, ông D di dời nhà để giao đất sau. Bà thấy gia đình bà V, ông D nghèo khổ, đông con nên đồng ý để bà V tiếp tục ở nhờ trên đất. Việc bà yêu cầu bà V, ông D di dời nhà chỉ nói với ông H, không trực tiếp yêu cầu V, không làm thành văn bản.

Trong năm 2008, bà thuê người xây dựng tường rào bê tông bao xung quanh phần đất sang nhượng của ông H, khi xây dựng bà chưa khu đất có căn nhà của bà V (hiện nay đang tranh chấp). Lý do bà chưa ra, không yêu cầu bà V và ông D dời nhà để trả đất là thương hoàn cảnh gia đình bà V nghèo, đông con, không có đất nơi khác cất nhà ở.

Sau khi xây tường rào bà yêu cầu bà V, ông D dời nhà để trả đất nhưng bà V, ông D không đồng ý nên sự việc tranh chấp kéo dài đến nay. Hiện nay phần đất tranh chấp bà V, ông D giao cho em là ông Diệp Hồng S quản lý.

Nay bà yêu cầu bà V, ông D, ông S có trách nhiệm trả phần đất qua đo đạc thực tế có tổng diện tích là 23.8m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Kết quả thẩm định, định giá của Tòa án vào ngày 07/10/2020 bà thống nhất và yêu cầu sử dụng kết quả này làm căn cứ giải quyết vụ án.

*Bà Diệp Hồng V trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:*

Nguồn gốc phần đất tranh chấp ban đầu là của cụ Trần Văn T, cụ T chuyển nhượng cho ông Danh V. Năm 1999, ông V cho vợ chồng bà cất nhà ở nhờ trên phần đất. Năm 2000, ông Danh V sang nhượng phần đất (trong đó có cả phần đất cho bà ở nhờ) cho ông Trần Thanh H. Sau khi nhận sang nhượng ông H tiếp tục cho vợ chồng bà ở nhờ, đất sang ông H dùng làm nơi chứa muối, ông H thuê vợ chồng bà canh giữ kho muối, hàng tháng trả công 01 táo gạo và 05 lít dầu hỏa.

Năm 2008, ông H chuyển nhượng phần đất sang nhượng từ ông V cho bà G với số tiền 105.000.000 đồng, khi sang nhượng thì ông H có chỉ ranh cho bà biết vị trí phần đất ông cho vợ chồng bà làm chỗ ở, phần đất còn lại ông H chuyển nhượng cho bà G. Ông H có làm giấy tay tặng cho vợ chồng bà phần đất chiều ngang 5m, chiều dài 5.5m, có ông Nguyễn Văn Ng là người có đất giáp ranh chứng kiến.

Sau khi được ông H chỉ vị trí, bà tháo dỡ nhà để cất gọn lại nằm trong phần diện tích ông H tặng cho. Sau khi cất nhà gọn lại bà G tiến hành xây dựng hàng rào bê tông để bao toàn bộ diện tích đất sang của ông H, bà G chưa lần nào yêu cầu vợ chồng bà di dời nhà để bà xây dựng hàng rào.

Năm 2015, vợ chồng bà đi nơi khác ở, phần đất ông H tặng cho bà giao cho người em ruột là ông Diệp Hồng S trông coi.

Nguyên nhân phát sinh tranh chấp là bà G cho rằng phần đất vợ chồng bà được ông H tặng cho là của bà nhận sang nhượng từ ông H nên yêu cầu ông, bà trả.

Nay bà G khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà và ông S giao trả phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 23.8m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 145, tờ bản đồ số 01 được cấp quyền sử dụng cho ông Trần Văn T bà không đồng ý.

Kết quả thẩm định, định giá của Tòa án bà thống nhất, yêu cầu sử dụng làm căn cứ giải quyết vụ án. Ngoài ra, bà được Tòa án giải thích về yêu cầu công nhận quyền sử dụng đối với phần đất tranh chấp. Tuy nhiên, bà không yêu cầu Tòa án xem xét công nhận quyền sử dụng phần đất tranh chấp.

*Ông Đào Văn D trình bày trong quá trình tố tụng:*

Ông thống nhất theo lời trình bày của bà Diệp Hồng V, ông không có ý kiến bổ sung.

*Ông Diệp Hồng S trình bày trong quá trình tố tụng:*

Phần đất tranh chấp là của bà V và ông D được ông H tặng cho, ông được bà V nhờ quản lý phần đất. Việc bà G yêu cầu ông cùng bà V, ông D trả đất thì ông không đồng ý.

*Ông Trần Thanh H trình bày trong hồ sơ:*

Năm 2008, ông chuyển nhượng cho bà Đinh Thị G phần đất có kích thước như sau: Chiều ngang mặt trước 4.5m; Chiều dài mặt trước 33m; chiều ngang mặt sau 27m; Chiều dài mặt sau 17m với giá 105.000.000 đồng, số tiền này bà G đã trả đủ cho tôi.

Tại thời điểm chuyển nhượng, ông có cho bà G, ông D diện tích đất khoảng 30m<sup>2</sup> (thực tế là 23.8m<sup>2</sup>) để làm nơi cất nhà ở, bà V, ông D đã cất nhà ở trên đất nên ông không chuyển nhượng cho bà G phần đất này.

Hiện nay bà G khởi kiện yêu cầu bà V, ông D, ông Sơn giao trả phần đất nêu trên, ông xác định diện tích đất tranh chấp ông không chuyển nhượng cho bà

G mà ông đã tặng cho bà V, ông D, ông không còn quyền lợi gì liên quan trong phần đất tranh chấp.

*Bà Trần Tú A, chị Danh Kim Th, anh Danh Trung H trình bày trong quá trình tố tụng:*

Các đương sự là vợ, con của ông Danh V. Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ T, cụ T chuyển nhượng cho ông V, sau đó ông V chuyển nhượng cho ông H, việc chuyển nhượng chỉ làm giấy tay, chưa làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông V hiện nay đã chết, đối với diện tích đất tranh chấp 23.8m<sup>2</sup> các đương sự không còn quyền lợi gì liên quan, theo hiểu biết của các đương sự thì đất tranh chấp ông H đã tặng cho bà V, ông D.

*Trần Thanh B, Trần Hoàng Th, anh Trần Minh Q, anh Trần Văn U, bà Trần Hồng T, bà Trần Hồng H, chị Trần Như L, chị Trần Kim L, anh Trần Chí Ph, anh Trần Chí C, anh Trần Quốc Tr trình bày trong quá trình tố tụng:*

Các đương sự là vợ, con, cháu của cụ Trần Văn T. Phần đất tranh chấp giữa bà G với bà V, ông D, ông S có nguồn gốc ban đầu là của cụ T. Tuy nhiên, cụ T đã chuyển nhượng cho ông V, hiện nay các đương sự không còn quyền lợi gì liên quan trong vụ án, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Bà Hồng Thị H trình bày trong quá trình tố tụng:*

Bà thống nhất theo lời trình bày của bà Diệp Hồng V, ông Diệp Hồng S, không có ý kiến bổ sung.

*Chị Diệp Hồng L, Diệp Hồng L trình bày trong quá trình tố tụng:*

Phần đất tranh chấp các đương sự không có quyền lợi liên quan, yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Anh Diệp Hồng B trình bày trong quá trình tố tụng:*

Anh là con ruột của bà V, bà G yêu cầu mẹ anh trả đất anh không đồng ý.

Từ những nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 203 Luật đất đai.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị G đối với bà Diệp Hồng V, ông Đào Văn D, ông Diệp Hồng S yêu cầu trả phần đất diện tích 23.8m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu thuộc một phần thửa số 145 tờ bản đồ số 1 do cụ Trần Văn T đứng tên quyền sử dụng đất có vị trí, kích thước như sau:

- + Hướng đông giáp đất ông Nguyễn Văn Ng, cạnh dài 5.1m;
- + Hướng tây giáp đất ông Diệp Hồng S, cạnh dài 5.25m;
- + Hướng nam giáp đất bà Đinh Thị G, cạnh dài 5.35m;
- + Hướng bắc giáp đất ông Diệp Hồng S, cạnh dài 4m.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 28 tháng 02 năm 2022, nguyên đơn bà Đinh Thị G kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà **Đinh Thị G** giữ nguyên kháng cáo.

*Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:*

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị G, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đinh Thị G là ông Nguyễn Văn H và bị đơn bà Diệp Hồng V, ông Diệp Hồng S có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Diệp Hồng B vắng mặt; ông Đào Văn D là bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Thanh H, bà Trần Tú A, chị Danh Kim Th, anh Danh Trung H, cụ Phan Thị B, anh Trần Thanh B, Trần Hoàng Th, anh Trần Minh Q, anh Trần Văn U, bà Trần Hồng T, bà Trần Hồng H, chị Trần Như L, chị Trần Thanh L, anh Trần Chí Ph, anh Trần Chí C, anh Trần Quốc T, bà Hồng Thị H, chị Diệp Hồng L, Diệp Hồng L vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật tố

tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Diệp Hồng B và các đương sự khác trong vụ án.

[3] Về nội dung: Xét kháng cáo bà Đinh Thị G yêu cầu ông Đào Văn D, bà Diệp Hồng D, ông Diệp Hồng S có trách nhiệm trả lại phần đất qua đo đạc thực tế có tổng diện tích là  $23,8m^2$  tọa lạc tại ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguồn gốc đất tranh chấp các đương sự trong vụ án thống nhất là của cụ Trần Văn T, cụ Tích chuyển nhượng cho ông Danh V, sau đó ông V chuyển nhượng lại cho ông H. Theo bà G xác định phần đất tranh chấp  $23,8m^2$  bà nhận chuyển nhượng từ ông H còn bà V, ông D thì xác định ông H đã tặng cho ông bà nên không đồng ý trả đất theo yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, các đương sự đều thống nhất được nguồn gốc đất tranh chấp.

Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 07/10/2020 (bút lục 72-73) và Mảnh trích đo địa chính thửa đất ngày 09/11/2020 (bút lục 75) thể hiện diện tích đất tranh chấp theo yêu cầu của bà Đinh Thị G qua đo đạc thực tế (chưa tính diện tích đất tranh chấp), có vị trí và số đo như sau:

- Hướng đông: giáp đất bà Đinh Thị G cạnh dài  $28.84m + 25.22m$ ;
- Hướng tây: giáp đất ông Nguyễn Văn Ng cạnh dài  $28.87m$ ; giáp đất Diệp Hồng S cạnh dài  $25.56m$ ;
- Hướng nam: giáp kênh cạnh dài  $27.4m$ ;
- Hướng bắc: giáp lộ cạnh dài  $4.3m$ ; giáp đất ông Nguyễn Văn Ng cạnh dài  $4.15m$ ; giáp đất tranh chấp cạnh dài  $5.35m$ ; giáp đất bà Đinh Thị G cạnh dài  $13.6m$ .

Tổng diện tích là  $23.8m^2$  thuộc một phần thửa số 145, tờ bản đồ số 01 cấp quyền sử dụng đất cho cụ Trần Văn T.

Ngoài diện tích đất tranh chấp, sau khi nhận chuyển nhượng thì bà G đã xây tường rào bê tông kiên cố bao quanh chu vi khu đất mà bà đã nhận chuyển nhượng từ năm 2008. Qua đối chiếu với diện tích đất bà G đang sử dụng nhiều hơn diện tích đất bà nhận chuyển nhượng từ ông H. Bà G khi nhận chuyển nhượng đất ông H thì đã có căn nhà bà V trên đất, đồng thời bà G cũng không yêu cầu bà V, ông D di dời, tháo dỡ nhà để trả đất cho bà. Bà V, ông D thì xác định ông H đã tặng cho vợ chồng bà phần đất hiện nay đang tranh chấp.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/9/2020 của ông Trần Thanh H, Biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2021 của bà Phan Thị B (vợ cụ T) đều xác định có tặng cho bà V, ông D một phần đất để cất nhà ở. Ông H chuyển nhượng một phần diện tích đất cho bà G với diện tích đất như trong giấy sang đất.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm bà Trần Tú A, chị Danh Kim Th, anh Danh Trung H cũng là vợ, con của ông Danh V xác định: Đất tranh chấp là của ông H tặng cho bà V, ông D.

Ngoài ra, có ông Nguyễn Văn Ng cũng xác định: Phần đất tranh chấp ông H làm giấy tặng cho đất cho bà V và ông D, ông có chứng kiến trực tiếp việc tặng cho đất, ông có ký tên xác nhận vào giấy tặng cho nêu trên.

[4] Như đã phân tích trên, xét về nguồn gốc đất tranh chấp, quá trình nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị G, có căn cứ chấp nhận phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bà Đinh Thị G phải chịu theo quy định pháp luật.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 203 Luật đất đai.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị G; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị G đối với bà Diệp Hồng V, ông Đào Văn D, ông Diệp Hồng S yêu cầu trả phần đất diện tích 23.8m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu thuộc một phần thửa số 145 tờ bản đồ số 1 do cụ Trần Văn T đứng tên quyền sử dụng đất có vị trí, kích thước như sau:

- + Hướng đông giáp đất ông Nguyễn Văn Ng, cạnh dài 5.1m;
- + Hướng tây giáp đất ông Diệp Hồng S, cạnh dài 5.25m;
- + Hướng nam giáp đất bà Đinh Thị G, cạnh dài 5.35m;
- + Hướng bắc giáp đất ông Diệp Hồng S, cạnh dài 4m.

2. Về án phí:



2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Đinh Thị G có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng. Bà Đinh Thị G đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ngày 10/8/2020 theo biên lai thu số 0007819 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Đinh Thị G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà G đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0002115 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), không được hoàn lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhân:**

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thanh Hùng**